



Nạn nhân của tội phạm

Nguyễn Khắc Hải*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận 30 tháng 5 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 6 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 6 năm 2018

Tóm tắt: Nghiên cứu này làm rõ những vấn đề cơ bản về nạn nhân của tội phạm trên phương diện xã hội và pháp lý. Nghiên cứu đưa ra định nghĩa về nạn nhân của tội phạm, phân tích quá trình nạn nhân hóa và nguyên nhân của nó được phát triển dựa trên các học thuyết như thuyết mô hình lối sống, thuyết cách tiếp cận hoạt động thường xuyên và thuyết cơ hội. Bên cạnh đó, bài báo nghiên cứu tiêu chuẩn quốc tế và quyền của nạn nhân như quyền tiếp cận công lý và đối xử công bằng, quyền bồi thường, quyền đền bù và quyền được hỗ trợ. Vai trò của nạn nhân tội phạm trong hệ thống tư pháp hình sự và trách nhiệm của Chính phủ cũng là những vấn đề cốt lõi được đề cập trong nghiên cứu này.

Từ khóa: Nạn nhân của tội phạm, nạn nhân học, nạn nhân hóa, quyền của nạn nhân của tội phạm.

Các hệ thống tư pháp hình sự trước đây chỉ tập trung vào việc xử lý người phạm tội, chủ yếu giải quyết mối quan hệ pháp luật giữa nhà nước và người phạm tội. Nạn nhân của tội phạm chỉ được coi như một phần mang tính chất phụ giúp, đôi khi là ngoài lề của hệ thống tư pháp hình sự. Chiến lược đấu tranh phòng, chống tội phạm do đó được đưa ra dựa trên nguyên lý, đặc biệt là đối với những tội phạm mà việc xác định nạn nhân khá rõ ràng. Với sự thay đổi cách tư duy là đưa nạn nhân của tội phạm trở thành vấn đề trọng tâm, trực chính trong hệ thống tư pháp hình sự (bao gồm ba chủ thể là *nhà nước, người phạm tội và nạn nhân*) sẽ dẫn đến nhiều thay đổi trong cách thức mỗi xã hội tiến hành phòng và chống tội phạm, cũng

như bảo đảm được quyền và lợi ích của họ một cách tốt nhất.

1. Lịch sử vấn đề

Hệ thống tư pháp hình sự nếu không ghi nhận rõ vai trò của các nạn nhân của tội phạm thì những phản ứng và quan điểm của họ đối với người phạm tội, chẳng hạn như chế tài hình sự có thể cân nhắc áp dụng, không thể chuyển tải tới thẩm phán xét xử. Như vậy nạn nhân cần phải tự giải quyết vấn đề của mình. Điều này không có nghĩa rằng không có bất kỳ quy định pháp luật nào để nạn nhân dựa vào xử lý các vấn đề của mình bởi các xã hội cũng thường thừa nhận một hệ thống các hình phạt và sự bồi thường mà người phạm tội phải gánh chịu tùy thuộc vào mức độ thiệt hại mà họ gây ra. Sự trừng phạt thường được thể hiện bằng hình thức

* ĐT.: 84-24-37547512.

Email: vnucriminology@gmail.com.

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4159>

bồi thường một số tiền nhất định cho nạn nhân. Nếu người phạm tội không có khả năng bồi thường thì những người thân của họ bị buộc phải thay họ gánh trách nhiệm này. Hệ thống phản ứng này nhấn mạnh vào nguyên tắc trả nợ máu (lex talionis), tức là mắt trả bằng mắt và răng trả bằng răng. Hình phạt phải tương xứng với mức độ thiệt hại gây ra cho nạn nhân. Đặc trưng của hệ thống này là nạn nhân và gia đình họ giải quyết vấn đề và là đối tượng thụ hưởng của các khoản chi trả. Sự sắp đặt này đã thực sự tạo nên "hệ thống tư pháp nạn nhân" (victim justice system). Điển hình có thể kể đến đạo luật Moses, bộ luật Hammurabi và luật La Mã đều nhấn mạnh những quy định về trách nhiệm cá nhân đối với các thiệt hại gây ra cho người khác. Một phần lý do đằng sau sự phản ứng này là phòng ngừa những hành vi tương tự trong tương lai. Khi hành vi phạm tội không tạo ra sự giàu có hay những lợi ích thì chúng sẽ không hấp dẫn nữa và đó chính là mục đích chính của việc phòng ngừa. Hệ thống này duy trì trong suốt thời Trung cổ và cuối cùng thì nó không được sử dụng nữa do hai lý do cơ bản là lợi ích của các nhà cai trị và sự biến động, chuyển đổi của cấu trúc xã hội.

Lý do thứ nhất là các nhà cai trị đã thấy lợi ích lớn từ những khoản tiền phạt có thể tăng sự giàu có của mình cho nên họ đã xác định lại các hành vi phạm tội là những vi phạm chống lại xã hội và nhà nước thay vì nạn nhân như trước đây. Nạn nhân cũng từ đó mất đi quyền thụ hưởng các khoản đền bù và chuyển thành vị trí nhân chứng trong hệ thống tư pháp. Chính vì thế nhà nước có thể gạt hái lợi ích từ việc bồi thường.

Lý do thứ hai làm giảm vị trí của nạn nhân chính là sự biến động lớn của xã hội. Trong thời kỳ Trung cổ xã hội chủ yếu là nông thôn và nông nghiệp, mọi người sống theo các nhóm nhỏ và lao động hàng ngày trong các lĩnh vực tạo nên cuộc sống của họ. Cuộc sống là một cuộc đấu tranh đơn giản để đáp ứng nhu cầu hàng ngày. Người dân phần lớn là tự cung tự cấp và sống dựa nhiều vào sự giúp đỡ của gia đình. Các gia đình thường sống khá cách biệt. Do đó khi tội phạm xảy ra sẽ mang lại những tổn hại về thể chất và kinh tế không chỉ đối với

cá nhân mà cho cả gia đình. Kiểu xã hội này có thể dựa vào cá nhân để giải quyết các vấn đề của mình. Khi thời Trung cổ kết thúc, cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra nhu cầu đẩy nhanh quá trình đô thị hóa. Mọi người rời bỏ khu vực nông thôn để đến các thành phố lớn và làm việc trong các ngành công nghiệp mới. Họ sống trong các khu vực chật chội hơn với những người xa lạ. Hàng xóm không còn biết đến những người sống bên cạnh. Khi khuôn mặt hòa quyện vào đám đông, các mối quan hệ ngày càng trở nên phi cá nhân. Các mối quan hệ cá nhân ràng buộc mọi người với nhau đã biến mất. Khi dạng cấu trúc xã hội này tiếp tục phát triển, hệ thống tư pháp nạn nhân cũ vốn đã lụi tàn nay càng tàn lụi đi. Tội phạm đã bắt đầu đe dọa đến các kết cấu xã hội mong manh, cái mà liên kết con người với nhau. Đồng thời, mối quan tâm chuyển từ việc hướng tới nạn nhân thành đối phó với người phạm tội. Dần dần hệ thống tư pháp nạn nhân (victim justice system) sụp đổ và được thay thế bởi hệ thống tư pháp hình sự (criminal justice system) [1, tr.1-3].

Ngày nay, các nạn nhân của tội phạm vẫn không có gì hơn là nhân chứng cho nhà nước. Nạn nhân không còn nắm vai trò chủ đạo trong các vấn đề của họ liên quan đến việc trừng phạt và bồi thường từ những người phạm tội. Nạn nhân phải kêu gọi xã hội hành động. Sự phát triển của cơ quan thực thi pháp luật, tòa án và hệ thống cải tạo trong vài thế kỷ qua đã phản ánh sự quan tâm đến việc bảo vệ nhà nước. Hầu hết các bộ phận của hệ thống tư pháp hình sự chỉ đơn giản là quên mất các nạn nhân và lợi ích tốt nhất của họ. Thay vào đó, trọng tâm chuyển sang bảo vệ quyền của người bị buộc tội.

2. Khái niệm nạn nhân của tội phạm

Khái niệm "nạn nhân" có thể được truy trở lại từ các xã hội cổ đại. Nó được kết nối với khái niệm của sự hy sinh. Theo nghĩa ban đầu của thuật ngữ, một nạn nhân là một người hay một con vật được bị giết chết để tế lễ trong một buổi lễ tôn giáo để xoa dịu một số quyền lực siêu nhiên hoặc thần linh. Qua nhiều thế kỷ, từ

này đã nhận thêm ý nghĩa. Bây giờ nó thường đề cập đến những cá nhân bị thương tích, mất mát, hoặc khổ đau vì bất kỳ lý do gì. Mọi người có thể trở thành nạn nhân của tai nạn, thiên tai, bệnh tật, hoặc các vấn đề xã hội như chiến tranh, phân biệt chủng tộc, săn lùng chính trị, và những bất công khác. Các nạn nhân của tội phạm là những người bị tổn hại bởi các hành vi bất hợp pháp [2, tr.2]. Trong đoạn 1 của Tuyên ngôn về Các nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực", nạn nhân được định nghĩa như sau: "Nạn nhân có nghĩa là những người, từng cá nhân hay tập thể, đã bị tổn hại, bao gồm thương tích thể chất hoặc tinh thần, đau khổ về cảm xúc, mất mát về kinh tế hoặc sự suy yếu đáng kể các quyền cơ bản của họ, hoặc những thiếu sót vi phạm luật hình sự hoạt động trong các quốc gia thành viên, bao gồm cả những biện pháp trừng phạt hình sự hay lạm dụng quyền lực". Một người có thể được coi là một nạn nhân theo tuyên ngôn này, bất kể thủ phạm đã được nhận dạng, bị bắt, bị truy tố, bị kết án hay chưa và không kể mối quan hệ gia đình giữa thủ phạm và nạn nhân. Thuật ngữ "nạn nhân" cũng bao gồm, nếu thích hợp, gia đình trực hệ hoặc những người phụ thuộc trực tiếp của nạn nhân và những người mà do can thiệp để trợ giúp nạn nhân khi gặp khó khăn hoặc đã để ngăn chặn sự vi phạm xảy ra xa hơn đã phải chịu đựng sự tổn hại [3].

Khi nạn nhân là hậu quả do vi phạm luật nhân quyền hoặc luật nhân đạo quốc tế hoặc luật tị nạn, định nghĩa quy định tại khoản 8 của Nguyên tắc cơ bản và Hướng dẫn về Quyền được bồi thường và bồi thường cho các nạn nhân của những vi phạm nghiêm trọng luật quốc tế về quyền con người và Luật Nhân đạo Quốc tế cũng có liên quan: Nạn nhân là những cá nhân hoặc cộng đồng bị thiệt hại, bao gồm cả thể chất hoặc chấn thương tâm thần, đau khổ về cảm xúc, tổn thất kinh tế hoặc suy yếu đáng kể quyền cơ bản của họ, thông qua các hành động hoặc thiếu sót cấu thành vi phạm thô bạo của luật nhân quyền quốc tế, hoặc các vi phạm nghiêm trọng về nhân đạo quốc tế pháp luật. Trong trường hợp thích hợp và phù hợp với luật pháp trong nước, thuật ngữ "nạn nhân" cũng

bao gồm gia đình hoặc người thân trực tiếp của nạn nhân trực tiếp và những người đã bị can thiệp trong việc can thiệp để giúp đỡ các nạn nhân gặp khó khăn hoặc để ngăn ngừa quá trình nạn nhân hóa.

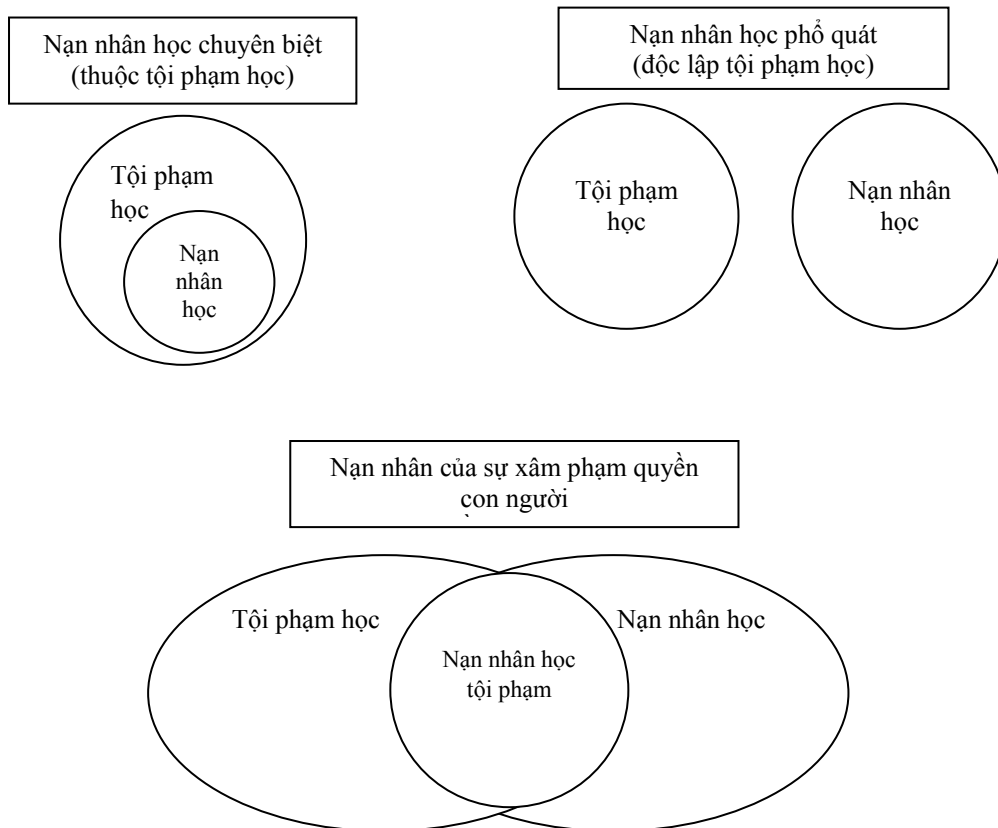
Cách tiếp cận khái niệm nạn nhân của tội phạm sẽ định hướng cho việc nghiên cứu từ đối tượng, phạm vi đến vị trí, vai trò của khoa học nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm - nạn nhân học (victimology). Trong lịch sử phát triển của nạn nhân học, để trả lời cho câu hỏi "ai là nạn nhân của tội phạm" có các cách giải thích theo ba luồng quan điểm định hướng phát triển như sau: 1) nạn nhân học chuyên biệt (thuộc tội phạm học); 2) nạn nhân học phổ quát (độc lập với tội phạm học); 3) nạn nhân của sự xâm phạm quyền con người (bao gồm cả tội phạm) [4, tr.47-52].

Đại diện của luồng quan điểm nạn nhân học thuộc tội phạm học là Hans von Hentig (1948) với tác phẩm nổi tiếng "The Criminal and His Victim" (Người phạm tội và nạn nhân của họ) mặc dù tác phẩm này chỉ dành chương cuối cùng với mười tám trang đề cập đến các vấn đề nạn nhân, các nội dung khác viết về tội phạm học. Ngoài ra còn có Stephen Schafer ở Mỹ vào năm 1968 [5] và Koichi Miyazawa ở Nhật là những người tiếp bước Hans von Hentig. Đại diện của luồng quan điểm thiết kế nạn nhân học độc lập với tội phạm học là Mendelsohn (1947). Ông cho rằng Nạn nhân học cần phải tập trung vào toàn bộ nạn nhân nói chung, vào những gì họ đã trải qua và chịu đựng. Đại diện của luồng quan điểm nạn nhân của sự xâm phạm quyền con người bao gồm cả tội phạm là Separovic (1969-1985), Neuman (1984-1989) và Elias (1985). Độc lập với nhau, ba nhà khoa học đã đóng góp vào việc định nghĩa nạn nhân học. Bắt đầu từ "nạn nhân gây ra bởi con người" của Zvonimir Paul Separovic đến ba tập sách của Elias Neuman và cuối cùng là Robert Elias, nạn nhân học đã phát triển thành một môn khoa học nghiên cứu sự vi phạm nhân quyền (bao gồm cả tội phạm). Dù tiếp cận nạn nhân ở góc độ nào thì nạn nhân học cũng vẫn có cách hiểu chung là khoa học nghiên cứu về những tổn thương

thể chất, tinh thần, thiệt hại tài chính mà các cá nhân - nạn nhân phải gánh chịu do hành vi trái pháp luật gây nên.

Nạn nhân là khái niệm cơ bản của nạn nhân học. Trong nạn nhân học có cả hai thuật ngữ nạn nhân và người bị hại. Nhưng đối với nạn nhân học với tính chất là học thuyết chung về nạn nhân, đối tượng chịu thiệt hại trong bất kỳ tình huống không có tính chất tội phạm thì thuật ngữ “nạn nhân” hoàn toàn đầy đủ. Tuy nhiên, đối với nạn nhân học trong tội phạm học thì cần thêm thuật ngữ “người bị hại”, bởi vì nó phản ánh không chỉ việc nạn nhân hóa, mà còn thể

hiện cách tiếp cận tổ tụng hình sự đối với nạn nhân (vỏ pháp lý của nạn nhân). Trên phương diện nạn nhân học, người bị hại được hiểu là nạn nhân trực tiếp của tội phạm. Khái niệm người bị hại trong nạn nhân học dựa trên cơ sở các tiêu chí khách quan, phản ánh sự kiện phạm tội có thực gây ra thiệt hại. Nếu như một người thực tế trực tiếp gánh chịu thiệt hại từ tội phạm, mà không được công nhận là người bị hại, thì bản chất vẫn là người bị hại. Quyết định mang tính hình thức này chỉ thể hiện trên phương diện tổ tụng chứ không làm thay đổi thực tế của việc gây ra hậu quả [6, tr.724-725].



Nạn nhân được hiểu là những thể nhân (cá nhân) trực tiếp bị gây thiệt hại. Chính những thể nhân là nạn nhân của tội phạm, là đối tượng nghiên cứu chính của nạn nhân học. Nạn nhân dưới khía cạnh nạn nhân học tội phạm có thể là

một nhóm người, nhưng chỉ tồn tại ở những dạng liên kết nhất định. Nếu coi “một nhóm người dưới bất kỳ hình thức liên kết nào” đều có thể là nạn nhân của tội phạm thì có thể liệt kê tất cả, thậm chí cả xã hội. Họ thành nạn nhân thể hiện ở chỗ thiệt hại gây ra bởi tội

phạm, thậm chí hướng tới chống lại cộng đồng, gây thiệt hại trực tiếp tới những thành viên của cộng đồng này. Theo đó thì cộng đồng người với tư cách là nạn nhân - đó là tổng hợp những nạn nhân - những thể nhân (cá nhân).

3. Nguyên nhân của nạn nhân hóa

Nạn nhân hóa là quá trình đưa một người trở thành nạn nhân của tội phạm. Quá trình này là tổng hợp các yếu tố khách quan (bên ngoài) và chủ quan (bên trong) tác động qua lại lẫn nhau tạo nên tình trạng của nạn nhân. Các chuyên gia cố gắng giải thích tại sao một số nhóm cá nhân và địa điểm đặc biệt dễ bị rơi vào hoàn cảnh trở thành nạn nhân, nhưng cũng có những lý thuyết mới đã được phát triển để đưa ra giải thích cho việc tỷ lệ nạn nhân thay đổi và cho hiện tượng nạn nhân lặp lại.

Một trong những lý thuyết đầu tiên và quan trọng nhất được Michael Hindelang, Michael R. Gottfredson, và James Garofalo đưa ra năm 1978. Lý thuyết này được biết tới là một *mô hình về lối sống* dựa trên các số liệu từ cuộc điều tra 8 thành phố của Cục Điều tra Dân số Hoa Kỳ năm 1972. Nó cho rằng khả năng một cá nhân có bị nạn nhân hóa không phụ thuộc sâu sắc vào lối sống. Lối sống, ngược lại, bị ảnh hưởng bởi vai trò trong xã hội của mỗi người, tức vị trí của một người trong xã hội và cách người đó thể hiện vai trò đó dựa trên kinh nghiệm sống.

Albert Cohen và Marcus Felson đưa ra *Phương pháp tiếp cận hoạt động thường ngày* vào năm 1979, cho rằng việc trở thành nạn nhân phụ thuộc vào các hoạt động "thường ngày" hoặc hàng ngày của con người và là kết quả của ba yếu tố: kẻ phạm tội có sẵn động cơ, mục tiêu phù hợp và sự vắng mặt của người bảo vệ. Trọng tâm của lý thuyết này là cơ hội, sự gần gũi/ tiếp xúc, và các yếu tố tạo điều kiện thuận lợi. Do đó, rủi ro trở thành nạn nhân của tội phạm sẽ khác nhau ở từng hoàn cảnh và địa điểm mà mọi người tự đặt mình và tài sản của họ vào.

Mô hình cơ hội do Lawrence E. Cohen, JR Kluegel và Kenneth Land đưa ra năm 1981 kết hợp các yếu tố từ phong cách sống và các lý thuyết hoạt động thường ngày, cho rằng nguy cơ trở thành nạn nhân tội phạm phụ thuộc phần lớn vào lối sống và các hoạt động hàng ngày khiến cá nhân và tài sản của họ tiếp xúc trực tiếp với những người phạm tội tiềm tàng mà không có người bảo vệ ở cạnh.

Ezzat Fattah, một nhà tội phạm học người Canada được xem là một trong những nhà tư tưởng hàng đầu về Tội phạm học, đã tích hợp các lý thuyết về lối sống và cơ hội để đưa ra một hệ thống toàn diện. Bảng hệ thống của ông gồm 10 yếu tố sau:

1. *Những cơ hội* liên quan chặt chẽ đến đặc điểm, hoạt động và hành vi của các mục tiêu tiềm năng.

2. *Các yếu tố rủi ro*, đặc biệt là những yếu tố liên quan đến thực tế xã hội-nhân khẩu học như tuổi tác, giới tính, khu vực cư trú...

3. *Người phạm tội có sẵn động cơ* không lựa chọn nạn nhân/mục tiêu một cách ngẫu nhiên mà lựa chọn theo các tiêu chí cụ thể.

4. *Việc nạn nhân tiếp xúc* với người phạm tội tiềm năng và với các tình huống rủi ro cao.

5. *Các hiệp hội* giữa người phạm tội và nạn nhân khiến nạn nhân ở gần với người phạm tội về mặt đời tư, nghề nghiệp hoặc liên lạc xã hội khiến họ có nguy cơ cao trở thành nạn nhân.

6. *Những khoảng thời gian nguy hiểm* và *những nơi nguy hiểm* như buổi tối, buổi tối sớm, cuối tuần và nơi vui chơi giải trí công cộng.

7. *Những hành vi nguy hiểm*, chẳng hạn khiêu khích làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của bạo lực, sơ suất và bất cẩn làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của việc mất tài sản.

8. *Những hành động có rủi ro cao* tăng nguy cơ trở thành nạn nhân và có thể các hành động lệch lạc và phạm pháp.

9. *Những hành vi mang tính phòng thủ/né tránh* có xu hướng làm giảm nguy cơ bị nạn

nhân hóa. Những người có biện pháp phòng ngừa ít bị nạn hơn những người ưa mạo hiểm.

10. *Thiên hướng theo cấu trúc/văn hóa*: có nghĩa là những người không có quyền lực, kiến thức văn hóa và bị gạt ra ngoài lề xã hội thường có xu hướng trở thành nạn nhân của tội phạm [7, tr.332-333].

4. Quyền của nạn nhân của tội phạm

Hơn 100 năm trước, Jeremy Bentham đã ủng hộ rằng "bồi thường bắt buộc, được trả bởi hệ thống bồi thường của tiểu bang, trong trường hợp phạm tội về tài sản". Trước đó, Bộ luật Hammurabi (khoảng 1775 BC) quy định rằng "Nếu một người đàn ông đã cướp tài sản... người đàn ông đó sẽ phải chết. Nếu kẻ cướp không bị bắt, những người đã bị cướp sẽ chính thức tuyên bố những gì ông đã mất và thành phố... sẽ là bồi thường. Nếu nạn nhân bị mất, thành phố hay thị trường sẽ phải trả một khoản tiền cho gia đình của họ".

Bảo đảm quyền của nạn nhân của tội phạm (sau đây gọi là quyền của nạn nhân) trước tiên cần có cơ sở pháp lý là những ghi nhận những quyền này trong pháp luật quốc tế cũng như luật pháp quốc gia. Trong gần một thế kỷ qua luật pháp quốc tế đã có bước ghi nhận vượt bậc trong việc ghi nhận, công nhận các quyền cá nhân là nạn nhân của tội phạm. Những thành tựu này trong pháp luật quốc tế này thể hiện nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong bảo vệ nhân quyền từ góc độ là nạn nhân của tội phạm. Nhiệm vụ của các quốc gia là cung cấp biện pháp khắc phục pháp lý cho các vi phạm nhân quyền.

Luật Nhân quyền quốc tế và luật nhân đạo quốc tế đã thiết lập một số nhiệm vụ liên quan đến nạn nhân của các vi phạm nhân quyền. Những nhiệm vụ này bao gồm: a) Nghĩa vụ cung cấp cho nạn nhân quyền tiếp cận công lý công bằng và có hiệu quả bất kể ai có thể là người chịu trách nhiệm cuối cùng về vi phạm; b) Nghĩa vụ phải nỗ lực cứu chữa cho nạn nhân; c) Trách nhiệm cung cấp hoặc tạo điều kiện bồi thường cho nạn nhân.

Trách nhiệm của quốc gia trong việc cung cấp một biện pháp pháp lý trong nước cho nạn nhân của các vi phạm nhân quyền và các vi phạm luật nhân đạo quốc tế được cam kết trên lãnh thổ của mình được thiết lập tốt trong luật pháp quốc tế. Sự tồn tại của nhiệm vụ đó là căn cứ trong một số công ước quốc tế và khu vực. Liên quan đến các quy định về quyền con người, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 tại Khoản 3, Điều 2 ghi nhận trách nhiệm của các quốc gia thành viên như sau:

a) *Đảm bảo rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các quyền tự do như được công nhận trong Công ước này, thì đều được hưởng bảo hộ pháp lý một cách có hiệu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra;*

b) *Đảm bảo rằng khiếu nại về việc vi phạm của bất kỳ người nào phải được giải quyết bởi cơ quan tư pháp, hành chính, lập pháp có thẩm quyền hoặc những nhà chức trách có thẩm quyền khác do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định và phát triển cơ chế giải quyết tư pháp thích hợp;*

c) *Đảm bảo rằng nhà chức trách có thẩm quyền sẽ thực thi những biện pháp khắc phục đã được đề ra.*

Gần đây nhất là trong Quy chế Rô-ma về Tòa án hình sự quốc tế ghi nhận quyền được bồi thường và tham gia quy chế này của nạn nhân của tội phạm đã đánh dấu một bước tiến lớn của nhân loại về trọng tâm của nạn nhân trong hệ thống tư pháp hình sự. Chiến lược Chống Khủng bố Toàn cầu của Liên Hợp quốc trực tiếp giải quyết vấn đề nạn nhân của các hành động khủng bố. Nó liệt kê các biện pháp nhằm giải quyết các điều kiện dẫn đến sự lan rộng của chủ nghĩa khủng bố, bao gồm các biện pháp để chống lại việc "phi nhân tính hóa những nạn nhân của khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện". Chiến lược khuyến khích việc tạo ra các hệ thống hỗ trợ quốc gia nhằm "thúc đẩy nhu cầu của nạn nhân khủng bố và gia đình họ và tạo điều kiện cho việc bình thường hoá cuộc sống của họ" [8].

Nhiều tuyên bố quốc tế khẳng định lại nhiệm vụ của các quốc gia nhằm cung cấp một biện pháp khắc phục cho các nạn nhân vi phạm nhân quyền và vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế [9]. Năm 1985 một tuyên bố toàn diện về nhiệm vụ này được tìm thấy trong Tuyên ngôn về Các nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực của Liên Hợp quốc [10]. Tuyên ngôn là công cụ toàn diện nhất về công lý cho các nạn nhân. Nó cung cấp hướng dẫn về các biện pháp cần được thực hiện ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế để cải thiện khả năng tiếp cận công lý và đối xử công bằng, bù đắp, bồi thường, bảo vệ và hỗ trợ cho nạn nhân của tội phạm và nạn nhân của lạm dụng quyền lực. Khi thông qua Tuyên ngôn, Đại hội đồng LHQ tuyên bố rằng "nhận thức được rằng hàng triệu người trên toàn thế giới bị tổn hại do tội phạm và lạm dụng quyền lực, và các quyền của những nạn nhân này chưa được công nhận một cách thoả đáng". Đại hội đồng kêu gọi các nước thành viên thực hiện các bước cần thiết để các điều khoản của Tuyên bố có hiệu lực. Mười quyền cơ bản của nạn nhân của tội phạm trong Tuyên bố này có thể được khái quát lại như sau [11, tr.8]:

1. Quyền được đối xử với tình thương và nhân phẩm của họ cần được tôn trọng,
2. Quyền được nhận thông tin,
3. Quyền được cung cấp thông tin cho chính quyền; theo đó cho phép quan điểm của nạn nhân được thể hiện và cân nhắc trong quá trình tố tụng hình sự,
4. Quyền được hỗ trợ thích hợp trong suốt quá trình pháp lý,
5. Quyền được bảo vệ sự riêng tư và an toàn thân thể,
6. Quyền được tham gia vào bất kỳ cuộc giải quyết tranh chấp chính thức nào (tư pháp phục hồi không được đề cập trong Tuyên bố của Liên hợp quốc năm 1985),
7. Quyền được trợ giúp xã hội,
8. Quyền được bồi thường bởi người phạm tội,
9. Quyền được nhà nước đền bù,

10. Quyền được Nhà nước thiết lập các quan hệ hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự để thúc đẩy các quyền của nạn nhân.

Trong nghị quyết 2005/20 vào năm 2005, Hội đồng Kinh tế và Xã hội đã thông qua Hướng dẫn Tư pháp trong các Vấn đề liên quan đến Nạn nhân Trẻ em và Nhân chứng của Tội phạm.

Cũng trong năm 2005, Ủy ban Nhân quyền đã thông qua các Nguyên tắc cơ bản và Hướng dẫn về Quyền được khắc phục và bồi thường của các nạn nhân do các vi phạm thô bạo Luật Nhân quyền quốc tế và những vi phạm nghiêm trọng Luật Nhân đạo quốc tế [12]. Ngoài ra, vào tháng 4 năm 2005, Ủy ban Nhân quyền đã lưu ý Bộ Nguyên tắc sửa đổi về Bảo vệ và Thúc đẩy Nhân quyền thông qua Hành động Chống Khủng bố. Bộ nguyên tắc này bao gồm quyền được biết, quyền tiếp cận công lý, quyền khắc phục và bảo đảm không tái diễn.

Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước chống tham nhũng cũng chứa đựng hàng loạt các quy định liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, bao gồm cả những hợp tác quốc tế trong bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân [13].

Nạn nhân của tội phạm phải được đối xử với lòng trắc ẩn và tôn trọng nhân phẩm của họ. Họ có quyền tiếp cận với các cơ chế công lý và để khắc phục kịp thời, như được quy định trong luật pháp quốc gia, về những thiệt hại mà họ đã phải chịu. Các cơ chế tư pháp và hành chính cần được thiết lập và tăng cường khi cần thiết để giúp các nạn nhân có thể khắc phục thông qua các thủ tục chính thức hoặc không chính thức nhanh chóng, công bằng, không tốn kém và dễ tiếp cận. Ở nhiều quốc gia, kinh nghiệm cho thấy một cách hiệu quả để giải quyết các nhu cầu của nạn nhân là thành lập các chương trình hỗ trợ xã hội, tâm lý, cảm xúc và tài chính và giúp nạn nhân trong tư pháp hình sự và các tổ chức xã hội. Ngoài các quy định cho phép nạn nhân đưa ra các tuyên bố dân sự chống lại các thủ phạm, một số quốc gia đã ban hành luật quốc gia công nhận quyền của người bị thiệt hại đối với bồi thường và tham gia tố tụng hình sự.

Những công nhận quyền này xuất phát từ quan điểm cho rằng chính phủ có trách nhiệm trong việc bảo đảm an ninh cho công dân của mình cho nên có quốc gia còn ban hành Luật cơ bản cho Nạn nhân của tội phạm để ghi nhận trách nhiệm của chính phủ và quyền của các nạn nhân, cũng như những sự hỗ trợ cần thiết [14, tr.375-376]. Những khả năng nâng cao nhận thức về sự đau khổ, mất mát của nạn nhân. Cho phép nạn nhân tham gia tố tụng hình sự và thừa nhận quyền của nạn nhân được thông báo về diễn tiến trong vụ án phục vụ tái cân bằng một hệ thống hình sự mà nếu không sẽ có ảnh hưởng lớn đến người phạm tội. Ở mức độ thực tế, quyền của nạn nhân được thông báo về các quyền của họ và về các thủ tục mà họ có thể hưởng lợi có lẽ là quan trọng nhất mỗi quan ngại. Những người tiếp xúc với nạn nhân trong công an, công an, công nhân xã hội, luật sư bào chữa, công tố viên và thẩm phán - phải được yêu cầu báo cáo ngăn nạn nhân về quyền của họ và hướng họ đến nơi họ có thể nhận được sự giúp đỡ khi họ cần.

Tại Việt Nam các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Đây là tuyên bố mới nhất được ghi nhận tại Điều 14 Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Quyền của nạn nhân bị tội phạm xâm hại cũng là một nhóm quyền trong số các quyền thể hiện trong bản Hiến pháp này. Rõ ràng rằng bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của tội phạm là trách nhiệm của quốc gia. Trong tư pháp hình sự hiện đại, phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm ngày càng trở nên phổ biến và quan trọng. Nạn nhân của tội phạm có thể bị thiệt hại dưới nhiều hình thức khác nhau như thiệt hại về tính mạng, sức khỏe thể chất cũng như chấn thương tâm lý, danh dự, nhân phẩm, tài sản và những thiệt hại lâu dài đối với chất lượng của cuộc sống. Nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân, pháp nhân, tổ chức, nhà nước và việc bảo vệ quyền của nạn nhân được thực hiện bởi các thiết chế khác nhau của nhà nước và xã hội. Tuy nhiên trong nghiên cứu này chỉ tập trung đề cập đến các nạn nhân là cá nhân và vai trò của hệ thống tư pháp

hình sự trong việc bảo đảm các quyền của các cá nhân là nạn nhân của tội phạm.

Những quyền cơ bản của nạn nhân của tội phạm trong tố tụng hình sự có thể khái quát lại như sau [15, tr.377]:

- Quyền được bảo vệ hợp lý khỏi người phạm tội.
- Quyền được thông báo hợp lý, chính xác và kịp thời về bất kỳ thủ tục tố tụng nào của tòa án, hoặc bất kỳ thủ tục tạm tha nào, liên quan đến tội phạm hoặc bất kỳ sự giải thoát hay trốn thoát nào của người phạm tội.
- Quyền không được loại trừ khỏi bất kỳ thủ tục tố tụng nào của tòa án, trừ khi tòa án có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục để xác định rằng lời khai của nạn nhân sẽ bị thay đổi về căn bản nếu nạn nhân nghe các chứng ngôn khác tại thủ tục tố tụng đó.
- Quyền được nghe một cách hợp lý bất kỳ thủ tục tố tụng công khai nào của tòa án liên quan đến việc giải phóng, thỉnh cầu, hoặc kết án, hoặc bất kỳ thủ tục tạm tha nào đối với người phạm tội.
- Quyền trao đổi hợp lý với luật sư cho vụ án của mình.
- Quyền được bồi thường đầy đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật.
- Quyền tố tụng không bị trì hoãn một cách bất hợp lý.
- Quyền được đối xử công bằng và tôn trọng phẩm giá và sự riêng tư.

5. Vai trò của nạn nhân của tội phạm trong hệ thống tư pháp hình sự

Trước thời kỳ khai sáng, luật hình sự được coi như công cụ để đàn áp nhân dân, phục vụ cho giai cấp thống trị. Như vậy để bảo vệ chính mình khỏi sự đàn áp bởi luật hình sự thì cần phải giới hạn quyền lực trong việc trừng phạt của nhà nước. Luật hình sự và tố tụng hình sự cần phát triển theo hướng tôn trọng quyền con người, bao gồm trong đó quyền của nạn nhân của tội phạm và quyền của người phạm tội. Thủ

tục giải quyết một vụ án hình sự cần đặt trong mối quan tâm của xã hội và của nạn nhân của tội phạm.

Các nhà nạn nhân học (những người nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm) luôn cố gắng gìn giữ và củng cố các quyền và lợi ích của nạn nhân, thậm chí cho rằng cần phải có hình phạt nặng hơn nữa dành cho những người phạm tội. Với ý tưởng như vậy họ đã ép hệ thống tư pháp hình sự có những phản ứng mạnh mẽ hơn nhân danh nạn nhân. Cách tiếp cận hợp lý cho vấn đề bảo vệ quyền của nạn nhân là nâng cao vai trò của họ trong hệ thống tư pháp hình sự chứ không phải luôn tìm cách xử lý người phạm tội nặng thêm. Theo đó mức độ một xã hội, một nhà nước quan tâm đến nạn nhân thể hiện bằng việc đặt họ ở đâu trong hệ thống tư pháp hình sự. Việc tìm ra những hạn chế vai trò của nạn nhân trong hệ thống tư pháp và khắc phục nó chính là mấu chốt để giải quyết vấn đề.

Người bị hại không có đủ các quyền thông tin chính đáng. Họ chỉ được nhận bản sao hồ sơ vụ án từ Tòa án nếu có lý do chính đáng, và mong muốn được biết sự thật không nằm trong đó. Người bị hại chỉ là công cụ, không hơn. Sự hợp tác của họ với các cơ quan tư pháp hình sự bị coi như việc hiển nhiên bởi các thẩm phán và công tố viên. Họ là các công cụ để phục hồi trật tự xã hội. Hệ thống này luôn nói về công lý cho tất cả mọi người, song không bao giờ nhắc đến công lý cho người bị hại.

Thiết lập một hệ thống mang tính đề cao quyền lợi của các nạn nhân thay vì chỉ nhằm mục đích thiết lập trật tự công cộng. Khi những người bị hại đồng ý tham gia vào quá trình khởi tố thì đó cũng là vì các lý do mang tính cá nhân. Việc tham gia của họ không nhằm mục đích khôi phục trật tự công cộng. Khi một hệ thống được xây dựng nhằm hướng tới quyền lợi của các nạn nhân thì cũng chính hệ thống đó, một cách tự động, sẽ giúp khôi phục trật tự công cộng.

Về cơ bản hệ thống hiện nay đang sử dụng và lạm dụng những người bị hại trong khi không đem lại cho họ những quyền lợi cụ thể.

Khi những người bị hại muốn tham gia vào một vụ kiện thì bản thân họ biết được rằng:

- Họ muốn được sắp xếp chỗ ngồi ngay tại phòng xử án chứ không phải ở dãy ghế dành cho khán giả.

- Họ muốn được quyền tiếp cận các tài liệu có liên quan. Thậm chí họ sẽ cảm thấy bị xúc phạm và xỉ nhục nếu việc tiếp cận này của họ phụ thuộc vào việc có hay không sự thừa nhận lợi ích về mặt tài chính từ các chuyên gia luật hình sự. Đây chính xác là một sai lầm trong quan niệm của tòa án các nước đối với nhu cầu của nạn nhân. Chính sự hiểu sai này càng làm trầm trọng hơn những thương tổn trước đó của nạn nhân.

- Họ mong muốn các lợi ích của mình trong các vụ khởi tố hình sự được thừa nhận.

Hệ thống tư pháp hình sự truyền thống đang hiện hữu trong xã hội ngày nay được vận hành không vì quyền lợi của người bị hại mà là vì mục đích trật tự công cộng. Trong hệ thống này chủ yếu luật sư và thẩm phán lên tiếng còn các nạn nhân thì không. Vai trò của họ hoàn toàn được thay thế bởi các luật sư. Điều này làm dấy lên câu hỏi: “Ai mới là chủ thể của hệ thống tư pháp hình sự?”. Luật hình sự thì luôn đề cập tới hai từ “nạn nhân” trong các câu khẩu hiệu của mình. Tất cả những ngôn từ hoa mỹ này đều không thể che đậy được một sự thật trần trụi rằng hệ thống tư pháp hình sự hiện nay không được xây dựng để dành cho nạn nhân mà nó là tài sản của các thẩm phán và các luật sư. Trải dài qua các thế kỷ, hệ thống này được phát triển với tư cách là một hệ thống kiểm soát theo chiều dọc được xã hội sử dụng để trấn áp những người phạm tội. Liệu hệ thống này có thay đổi nếu như những người bị hại sẵn sàng lên tiếng đòi hỏi quyền lợi dành cho họ? Pháp luật có thể đã liệt kê rất nhiều quyền lợi dành cho người bị hại, nhưng lại bị giới hạn bởi các yếu tố như an ninh công cộng, lợi ích của hệ thống tư pháp và các nhân tố thiết yếu khác sẽ được xem xét đầu tiên, sau đó mới tính đến quyền lợi của người bị hại. Những nhà lập pháp chỉ đang xoa dịu áp lực đến từ những đòi hỏi về sự thay đổi của người bị hại bằng việc đưa ra những ý tưởng không thực sự có giá trị. Hệ thống tư pháp hình sự hiện nay có vô vàn những cơ hội không phải để thay đổi

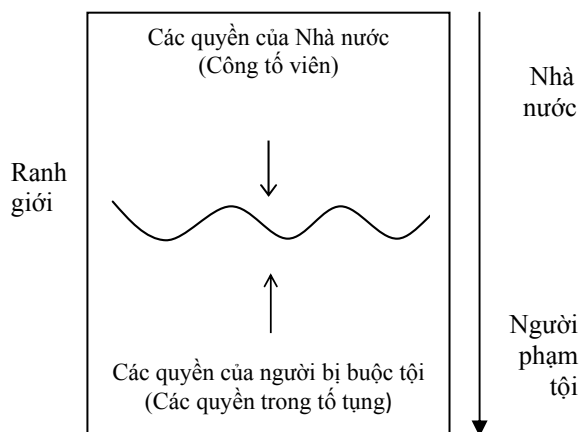
mà là dành cho những tình thế bất khả kháng. Các chuyên gia trong lĩnh vực nạn nhân học hiện nhiên chẳng hề hài lòng với điều này.

Hệ thống tư pháp hình sự hiện nay đang mất cân bằng, người phạm tội thì có tất cả các quyền trong khi các nạn nhân chẳng được trao cho bất cứ quyền lợi gì! Hãy trao quyền cho họ! Bản thân lĩnh vực tư pháp hình sự đang phải điều chỉnh rất nhiều vấn đề, thậm chí không còn khoảng trống để dành cho các mối quan tâm khác. Phạm vi lĩnh vực tư pháp hình sự bao gồm vấn đề về quyền lợi của Nhà nước, vấn đề về nhân quyền đối với người phạm tội. Nếu bây giờ cần nhắc đến người bị hại, có thể thấy không dễ để xếp thêm họ vào. Tại sao? Phạm vi nhân quyền của người phạm tội được củng cố bởi luật pháp, học thuyết pháp lý và tập quán. Đây là một thành tựu quý giá của xã hội nên được coi trọng. Không dễ để tước đi quyền của người phạm tội nhằm tạo một chỗ đứng cho người bị hại trong hệ thống. Mặt khác, Nhà nước cũng không hề có ý định từ bỏ vị trí của mình.

Người bị hại và người bào chữa cho họ cùng những người hỗ trợ được khuyên nên hiểu trước rằng công lý trong tư pháp hình sự truyền thống không phải công lý cho người bị hại. Đó là công lý theo chiều dọc nhằm đạt được quyền kiểm soát xã hội dựa trên việc đàn áp người phạm tội. Người bị hại đóng vai trò phục vụ là nhân chứng. Công tố viên và thẩm phán dùng họ cho công cuộc giành quyền kiểm soát xã hội. Người bị hại tự nguyện nhận vai trò đó. Họ tự nguyện nhận làm nhân chứng. Nhưng sau đó, nếu Nhà nước sử dụng người bị hại thì Nhà nước phải có nghĩa vụ bảo vệ người bị hại khỏi mọi tổn thất có thể xảy ra. Nhà nước có nghĩa vụ phải quan tâm đến người bị hại. Họ nợ người bị hại sự bảo vệ và sự quan tâm. Điều này xuất phát từ các nghĩa vụ đạo đức chung để phòng tránh trường hợp tái trở thành nạn nhân nếu có thể. *Mục đích trọng tâm của bước tiến nhằm cải thiện chỗ đứng của người bị hại trong hoạt động tố tụng hình sự là để phòng tránh tình huống tái trở thành nạn nhân. Đừng tiếp tục làm hại họ khi công việc của bạn đang ra là bảo vệ họ!*

Quy trình này có một lợi thế đó là không một luật sư nào muốn làm hại nạn nhân. Chỉ đơn giản là trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, trong phạm vi ngôn ngữ chuyên ngành và trong lối suy nghĩ của riêng mình, luật sư không hiểu được điều gì đã gây ra tổn hại đến nạn nhân. Họ được dạy rằng những cảm xúc này cần phải bị bỏ lại bên ngoài phạm vi phiên tòa. Tư pháp hình sự không phải một trò chơi, đó là một quy trình nghiêm túc và yêu cầu tính trách nhiệm cao. Họ phải làm ngơ trước những tổn thất mà nạn nhân phải chịu đựng để đảm bảo sự chuyên nghiệp, do vậy các tổ chức hỗ trợ và giúp đỡ người bị hại cần cho họ biết điều đó. Nạn nhân cần một đôi tai biết hợp tác và thấu hiểu từ các chuyên gia trong lĩnh vực tư pháp hình sự nếu họ mong muốn nhận được sự bảo vệ cần thiết - nếu có - từ một hệ thống tố tụng theo chiều dọc như vậy.

Tổ tụng theo chiều dọc
Phạm vi phân chia trong tố tụng hình sự



Tư pháp hình sự theo chiều dọc không phải là biện pháp bảo đảm công lý duy nhất. Hệ thống bảo vệ công lý theo chiều ngang đã thể hiện khả năng thực hiện các mục tiêu bảo đảm công lý rất tốt, với điều kiện những người tham gia biết tôn trọng và thực hiện nghĩa vụ của mình. Trong hệ thống bảo vệ công lý theo chiều ngang dưới hình thức như hòa giải, họp gia đình, các buổi gặp mặt tư vấn chữa bệnh hay bồi thường, một ủy ban trung gian và hòa giải được lập ra. Xóa bỏ các quy tắc phân biệt giữa

những người tham gia và đảm bảo sự riêng tư cho mỗi người tham gia là các xu hướng chủ đạo trong việc quản lý các tổ chức này. Trong lĩnh vực Nạn nhân học, cách đối phó với tình huống tái trở thành nạn nhân là thông qua hệ thống tư pháp hình sự theo chiều dọc để chuẩn bị tiền đề cho các phương thức bảo vệ công lý theo chiều ngang hiện đại mà trong đó, Nhà nước không còn nắm vai trò chủ đạo trong việc cung cấp mọi thứ. Cũng giống như trong các phương thức quản lý hiện đại, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận không bị bỏ qua. Các hình thức khôi phục công lý ghi nhận có tồn tại sự quan tâm của dư luận đối với biện pháp tư pháp hình sự tập trung vào việc khôi phục thiệt hại và bình đẳng hóa các chủ thể [16, tr.62-67].

6. Một số kết luận

Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm là một nội dung lớn trong tội phạm học cũng như trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà phạm vi nghiên cứu trong một bài viết không thể bao quát hết và chi tiết được. Tuy nhiên từ việc khái quát những nội dung được phân tích trên có thể đưa đến một số kết luận mang tính khái quát và nền tảng cho các nhà hoạch định chính sách và pháp luật, cũng như các cơ quan tư pháp hình sự cân nhắc trong quá trình xây dựng cũng như áp dụng pháp luật. Ngoài ra việc cung ứng các dịch vụ trợ giúp nạn nhân của tội phạm cũng cần phải được đào tạo và lựa chọn đáp ứng những tiêu chí nhất định sao cho phù hợp với nhóm đối tượng bị tổn thương này.

Một là: quyền của nạn nhân của tội phạm cần được ghi nhận rõ nét trong pháp luật của quốc gia mà trước hết là hiến pháp và pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Điều này thể hiện việc nạn nhân của tội phạm có quyền được thông báo *kịp thời* và *hợp lý* trong suốt giai đoạn giải quyết vụ án cũng như quá trình thi hành án của người phạm tội gây thiệt hại cho mình. Giải quyết những xâm hại của nạn nhân *kịp thời* và *hợp lý* cần cân nhắc đến sự an toàn, lợi ích của họ, tránh sự trì hoãn bất hợp lý có thể gây ra những bất lợi cho họ. Những thông

báo về quyền này bao gồm (nhưng không giới hạn) ở những nội dung sau: kết quả điều tra, bản án, tạm tha có điều kiện, áp dụng hay hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hình phạt áp dụng đối với người phạm tội, giam án, tha tù trước thời hạn... Những quyền được thông báo và có ý kiến này sẽ không bị hạn chế trừ phi để bảo đảm an ninh quốc gia hoặc ảnh hưởng đáng kể đến lợi ích của cộng đồng, hay cản trở lớn cho quá trình tố tụng và giải quyết vụ án hình sự.

Hai là: nạn nhân có quyền được bồi thường và khôi phục ở mức cao nhất cho những thiệt hại về vật chất và tinh thần mà tội phạm gây ra. Những bồi thường và khôi phục này không được trái với lợi ích chung của cộng đồng xã hội và quốc gia. Tuy nhiên cần lưu ý là những quyền của nạn nhân phải được xem xét đầu tiên chứ không phải ở vị trí thứ yếu so với an ninh công cộng và lợi ích của hệ thống tư pháp hình sự.

Ba là: khi nạn nhân tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự, một điều hết sức cần quan tâm đó là sự cân nhắc giữa cái “*được*” và “*mất*” của họ. Trong khi xã hội thông qua hệ thống tư pháp hình sự cố gắng thực thi công lý, phục hồi lại ở mức cao nhất những quyền và lợi ích mà nạn nhân bị thiệt hại do tội phạm xâm hại thì cũng đồng thời nạn cũng đối mặt với những thiệt hại hay nguy cơ gây ra những thiệt hại khác như: hành vi đe dọa xâm hại bởi chính người phạm tội hay những mối quan hệ của họ, mất thời gian và công sức, bị lộ thông tin cá nhân, chịu sức ép của chính xã hội (đối với những nạn nhân của tội phạm tình dục). Khi cân nhắc điều này một cách thấu đáo thì nhà làm luật sẽ có cơ sở thiết kế sự tham gia của nạn nhân vào hệ thống tư pháp hình sự thông qua hệ thống các quy định về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân một cách hợp lý để bảo đảm tốt nhất những nhu cầu chính đáng của nạn nhân. Thêm vào đó, một hệ thống tư pháp hình sự cần thiết kể để nạn nhân có thể có sự lựa chọn tham gia hoặc từ chối tham gia, nếu tham gia thì mức độ tham gia ra sao và họ cần biết trước mình sẽ được gì và có thể sẽ bị thiệt hại ra sao. Điều này có nghĩa rằng nạn nhân nên có sự lựa chọn và

có thể từ chối một số quyền tố tụng của mình. Xã hội muốn làm điều tốt cho nạn nhân của tội phạm thông qua hệ thống tư pháp hình sự nhưng không phải lúc nào cũng đạt được điều này mà có khi còn có tác dụng ngược lại. Do đó việc giám sát và đánh giá liên tục về nhu cầu mà nạn nhân mong muốn để thấy được hiệu quả là cần thiết.

Bốn là: từ góc độ đáp ứng nhu cầu của nạn nhân của tội phạm thì quyền của họ chính là những mong muốn của chính họ về bồi thường và khôi phục những thiệt hại do tội phạm gây ra. Chính vì vậy *sự bày tỏ của nạn nhân* mô tả về những thiệt hại về thể chất, tinh thần, cảm xúc, tài chính cũng như những thiệt hại khác do hành vi phạm tội gây ra là cơ sở để cân nhắc loại và mức hình phạt, áp dụng án treo cho người phạm tội, cân nhắc giảm thời hạn chấp hành hình phạt hay tha tù trước thời hạn cho người chấp hành án phạt. Ngoài ra, các cơ quan bảo vệ pháp luật và tòa án cũng có thêm căn cứ để giải quyết vụ án dựa trên nhu cầu của nạn nhân thông qua sự bày tỏ của họ về mong muốn thỏa thuận với người phạm tội hay không, về mong muốn giải quyết sự việc đến mức độ nào, muốn tham gia vào quá trình tố tụng ra sao. Sự bày tỏ quan điểm của nạn nhân trong tố tụng hình sự có thể được thể hiện dưới dạng các báo cáo tác động của nạn nhân.

Năm là: hoạt động trợ giúp, hỗ trợ pháp lý, tiếp cận công lý đối với các nạn nhân của tội phạm - nhóm người bị tổn thương - cần phải được xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa. Việc trợ giúp, hỗ trợ cần được đào tạo và có các kỹ năng cần thiết, đặc biệt là đối với những người hỗ trợ cho sự vận hành của hệ thống tư pháp hình sự, chẳng hạn như người bào chữa. Theo tính chất bị xâm hại thì ngoài những đặc điểm chung, các nạn nhân của tội phạm còn có những đặc điểm riêng được xác định bởi các loại tội phạm. Sự khác nhau giữa những nhóm nạn nhân (chẳng hạn nạn nhân của tội phạm khủng bố, tội phạm mua bán người, tội phạm tình dục, tội phạm vũ lực...) cho thấy sự cần thiết phải thiết lập những tiêu chuẩn về kỹ năng cho nhóm trợ giúp đi kèm với các thiết chế về tổ chức và các chương trình hỗ trợ cấp địa phương, quốc gia,

khu vực và quốc tế theo các nhóm nạn nhân đã được phân loại cẩn thận. Thiếu đi những điều này sẽ làm cho hệ thống bảo đảm quyền của nạn nhân hoạt động kém hiệu quả, thậm chí trong một số trường hợp lại có tác dụng trái ngược với mục đích trợ giúp, hỗ trợ nạn nhân.

Sáu là: vấn đề an ninh phi truyền thống dưới góc độ nạn nhân của tội phạm cần phải được tiếp cận và nhận thức để mở đường cho một sự bảo đảm an ninh, an toàn của con người trong xã hội hiện đại ngày nay trước những thách thức mới. Sự kết hợp giữa hai khái niệm nạn nhân học và an ninh con người đã tạo nên một mối quan hệ biện chứng. An ninh con người không được bảo đảm sẽ thúc đẩy quá trình nạn nhân hóa và ngược lại. Nạn nhân hóa hiện nay là không chỉ ở cấp độ quốc tế, khu vực hay quốc gia mà còn ở trong gia đình hay các tổ chức như trường học, bệnh viện, nhà tù [17, tr.2-4]... Theo truyền thống những nơi được coi là an toàn như trường học, bệnh viện đã không còn như trước đây nữa thông qua hàng loạt các vụ việc biến nhiều học sinh, nhân viên y tế trở thành nạn nhân của tội phạm tình dục, tội phạm khủng bố, tội phạm bạo lực. Sự thay đổi này khiến chúng ta phải đưa vào danh sách các mẫu nạn nhân mới để xây dựng và củng cố các mục tiêu bảo vệ cũng như các phương thức mới trong phòng và chống tội phạm.

Bảy là: việc công nhận và làm sáng tỏ về quyền của nạn nhân của tội phạm là cả một chặng đường dài mà công lý thế giới đã đạt được những thành quả quan trọng. Một xu thế văn minh đang diễn tiến đó là việc cân bằng về quyền của nạn nhân của tội phạm và quyền của người bị kết tội trong một hệ thống tư pháp “*không chỉ thuộc về người phạm tội mà còn của người bị tội phạm xâm hại*” [18, tr.329-332]. Việc loại bỏ nạn nhân ra khỏi tố tụng hình sự đã là vấn đề của quá khứ rồi. Chỉ khi hệ thống tư pháp đạt được khả năng gìn giữ công bằng giữa nạn nhân của tội phạm và người phạm tội thì đó mới là hệ thống tư pháp thực sự. Đây chính là thách thức mà nạn nhân học phải đối mặt.

Tám là: đối với bất kỳ quốc gia nào, xây dựng hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật với sự kết hợp của các cơ quan nhà nước và các

thiết chế xã hội khác mà trong đó các nhu cầu và quyền của nạn nhân của tội phạm được quan tâm thích đáng thì trước hết cần đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nạn nhân của tội phạm. Nội dung đào tạo này đã được một số quốc gia triển khai trong các chương trình đào tạo như một nội dung thuộc tội phạm học, thậm chí phát triển độc lập chương trình đào tạo thạc sỹ về nạn nhân học với bốn nhóm trọng tâm: 1) Những nghiên cứu nền tảng về nạn nhân học (nhập môn, giới thiệu phương pháp nghiên cứu, trang bị kiến thức luật hình sự, tố tụng hình sự, luật dân sự cho các nhà nạn nhân học); 2) Nạn nhân hóa - các tình huống, các nguyên nhân và các giải pháp; 3) Quyền và địa vị pháp lý của nạn nhân; và 4) Trợ giúp và luật sư cho nạn nhân [19, tr.303].

Tài liệu tham khảo

- [1] Victimology (Sixth Edition) (2012), William G.Doerner and Steven P.Lab Anderson, Publishing (Elsevier) USA.
- [2] Andrew Karmen (2013). Crime Victims – An Introduction to Victimology. Wadsworth, Cengage Learning, USA.
- [3] Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power (UN General Assembly resolution 40/34 of 29 November 1985, Annex A).
- [4] Gerd Ferdinand Kirchhoff. What is Victimology?. Monograph Series No.1. Seibundo Publishing. Japan. 2005.
- [5] Stephen Schafer: The Victim and His Criminal. New York: Random House. 1968.
- [6] ЧастнаяКриминология. Под. ред. ШестаковД.А. СанктП. 2007.
- [7] [Frank Schmalleger and Rebecca Volk (2005). Canadian Criminology Today: Theories and Applications (Second Edition). Pearson Prentice Hall. Toronto.
- [8] Handbook on Criminal Justice Responses to Terrorism. United Nations. New York. 2009.
- [9] Universal Declaration of Human Rights, article 8; Declaration on the Protection of All Persons from Being Subjected to Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment (UN General Assembly resolution 3452 (XXX), annex), article 11.
- [10] Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power (UN General Assembly resolution 40/34 of 29 November 1985).
- [11] Raising the Global Standards for Victims: The proposed Convention on Justice for Victims of Crime and Abuse of Power. Seibundo Publishing. John P.J. Dusich and Kieran G. Mundy edited. Tokyo, Japan. 2009.
- [12] Basic Principles and Guidelines on the Right to a Remedy and Reparation for Victims of Gross Violations of International Human Rights Law and Serious Violations of International Humanitarian Law (UN General Assembly resolution 60/147 of 16 December 2005).
- [13] United Nations Convention against Transnational Organized Crime, articles 24 and 25; United Nations Convention against Corruption, article 32.
- [14] Establishing Victimology. Festschrift for Prof.Dr.Gerd Ferdinand Kirchhoff. 30th Anniversary of Dubrovnik Victimology Course. Peter Schafer, Elmar Weitekamp.
- [15] William G.Doerner and Steven P.Lab (2012), Victimology (Sixth Edition), Anderson Publishing (Elsevier) USA.
- [16] Gerd Ferdinand Kirchhoff. What is Victimology?. Monograph Series No.1. Seibundo Publishing Co.,Ltd. Japan. 2005.
- [17] Victimology and Human Security: New Horizons. Selection of papers presented at the 13th International Symposium on Victimology, 2009, Mito, Japan. Morosawa, Hidemichi Dusich, John J.P, Kirchhoff, Gerd Ferdinand, Wolf Legal Publishers, The Netherlands.
- [18] Marquart, J. W. (2005). Editorial introduction: Bringing victims in, but how far? Criminology & Public Policy, 4.
- [19] The Study of Victimology -Basic considerations for the study of theoretical victimology. Gerd Ferdinand Kirchhoff and Hidemichi Morosawa. (Victimization in a multi-disciplinary key: Recent advances in victimology). Wolf Legal Publishers. The Netherlands. 2009.

Victim of Crime

Nguyen Khac Hai

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The research clarifies basic issues related to victim of crime as a social and legal phenomenon. This study defines victim of crime, analyses victimization and its causes based on the theories as lifestyle model, routine activity approach and opportunity. Besides, the article studies the international standards and the rights of victims like access to justice and fair treatment, restitution, compensation, and assistance. The role of victim of crime in the criminal justice system and government's responsibility are also the core issues discussed in the research.

Keywords: Victim of crime, victimology, victimization, rights of victim of crime.